

**QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS**

**Câu hỏi cho người nộp đơn**

ODP. IV: . . . . .

Date : . . . . .  
Ngày

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you can not read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin điền vào Bảng câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng đầy đủ càng tốt. Nếu Bạn không đọc hoặc viết bằng tiếng Anh được thì điền bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to

CSS Bảng câu hỏi này về :  
127 Panjabkum Building  
Sathorn Tai Road  
Bangkok 10120  
Thailand

**A. BASIC IDENTIFICATION DATA / Lý lịch căn bản.**

1. Name : **THỊ NHINH** ✓ Sex : Female  
Họ tên Phái
2. Other Name : Any  
Họ tên khác
3. Date/Place of birth : 10.11.1960 Thanh Hưng Kiên Giang  
Ngày/Nơi sinh
4. Residence Address : IVth Agricultural Cooperative, Thanh Ngọc B  
Địa chỉ thường trú Hamlet, Thanh Hưng Commune, Giồng Riềng District, Kiên Giang Province, VIỆT NAM
5. Mailing Address : Same as above  
Địa chỉ thư từ
6. Current Occupation : Farmer.  
Nghề nghiệp hiện tại

**B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME / Bà con cùng đi với tôi.**

( NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : married (M), divorced (D), widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ Ý : Chỉ có vợ/chồng và con còn độc thân mới có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

| NAME             | DATE/PLACE OF BIRTH     | SEX | MMS. | RELATIONSHIP |
|------------------|-------------------------|-----|------|--------------|
| 1. MAI THỊ THIÊN | 15.06.69 Sóc Sơn KGiang | F   | S    | Daughter     |

( NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their address in Section I below.)

( CHÚ Ý : Cho mỗi người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần một bản sao giấy khai sinh, giấy thụ (nếu đã lập gia đình), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu là góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con cùng đi với bạn mà không cùng chung ngụ với bạn hiện nay, xin viết địa chỉ của họ trong phần I bên dưới.)

C. RELATIVES OUTSIDES VIETNAM/ Họ hàng ở ngoại quốc.

|                                                                                          | OF MYSELF<br>của tôi | : | OF MY SPOUSE<br>của vợ/chồng |
|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---|------------------------------|
| 1. Closest Relative in the U.S.<br>Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ                       | :                    | : | :                            |
| a. Name<br>Họ, Tên                                                                       | :                    | : | :                            |
| b. Relationship<br>Liên hệ gia đình                                                      | :                    | : | :                            |
| c. Address<br>Địa chỉ                                                                    | :                    | : | :                            |
| d. Date of Relative's Arrival<br>in The U.S.<br>Ngày bà con đến Hoa Kỳ                   | :                    | : | :                            |
| 2. Closest Relative in Other Foreign Countries<br>Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác | :                    | : | :                            |
| a. Name<br>Họ, Tên                                                                       | :                    | : | :                            |
| b. Relationship<br>Liên hệ gia đình                                                      | :                    | : | :                            |
| c. Address<br>Địa chỉ                                                                    | :                    | : | :                            |

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead)/Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

1. Father : DANH KHOA, Farmer, Thanh Hung, GR. KG.  
Cha
2. Mother : THỊ THO , id  
Mẹ
3. Spouse : MAI BIÊN , born in 1945 Thanh Hung (RG)  
Vợ/chồng Caporal, dead in the battle-  
field on 12 February 1970.
4. Former Spouse (if any) : Any  
Vợ/chồng trước (nếu có)
5. Children : (1) Mai Thị Thiên, born on 15.06.1969  
Con cái Farmer at Thanh Hung
6. Siblings : (1)  
Anh chị em

**E. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của Chính phủ Mỹ hay Hãng Mỹ**

1. Employee Name :  
Họ tên nhân viên :  
Position Title :  
Chức vụ :  
Agency/Company/Office :  
Sở/ Hãng/ Văn phòng :  
Length of Employment : From : To :  
Thời gian làm việc Từ tới :  
Name of American Supervisor :  
Tên Họ giám thị Mỹ :  
Reason for Separation :  
Lý do nghỉ việc :  
2. Employee Name :  
Tên họ nhân viên :  
... :  
Reason for Separation :  
Lý do nghỉ việc :  
3. Employee Name :  
Họ, tên nhân viên :  
... :  
Lý do nghỉ việc :  
Reason for Separation :

**F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE/ Bạn hoặc vợ/chồng đã phục vụ cho Chính Phủ Việt Nam.**

1. Name of Person Serving : MAI BIEN, born 1945  
Họ tên người tham gia
2. Dates : From : To : 11.01.1970  
Ngày tháng năm Từ tới
3. Last Rank : Corporal Mil. Serial No. : 7/4-8.430  
Cấp bậc cuối cùng Số quân
4. Ministry/Office/Mil. Unit :  
Bộ / Sở / Đơn vị binh chủng
5. Name of Supervisor/ C.O. :  
Họ tên giám thị/Sq chỉ huy
6. Reason for Separation : Being killed by VC on 12.01.70  
Lý do nghỉ việc
7. Names of American Advisor (s)  
Tên họ cố vấn Mỹ
8. U.S. Training Courses in Việt Nam : No  
Chương trình huấn luyện của Hoa Kỳ tại Việt Nam
9. U.S. Awards or Certificates : NO  
Name of Award : NO Date received :  
Phân thưởng/Giấy khen Ngày nhận

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available ? NO.)

(CHÚC Ý : Xin vui lòng kèm theo bất cứ văn hoặc, giấy ban khen, hoặc chứng thư, nếu có. Bạn có không ? KHÔNG.)

G. TRAINING OUTSIDE OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ở ngoài quốc.

1. Name of student/trainee :  
Họ tên sinh viên/người thụ huấn
  2. School and School Address :  
Tên trường và địa chỉ trường
  3. Dates : From : To :  
Ngày, tháng, năm Từ tới
  4. Description of Courses :  
Mô tả ngành học
  5. Who paid for training ?  
Ai đài thọ chương trình huấn luyện ?
- ( NOTE : Please attach any copies of diplomas or orders, if available  
Available ? Yes : ... No : X.)  
(CHÚ Ý : Xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị, nếu có. Bạn có  
không ? Có : ... Không : X.)

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo

1. Name of Person in Re-education :  
họ tên người học tập cải tạo
  2. Time in Re-Education : From : To :  
Thời gian cải tạo Từ tới
  3. Still in Re-Education ? Yes : No :  
Còn cải tạo không ? Còn không
- (+ If released, we must have a copy of your release certificate.)  
(+ Nếu được thả, chúng tôi cần có một bản sao giấy ra trại của bạn.)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS ? / Cước chú phụ thuộc ?

1. After April 75, most of the papers of my husband were lost. Only some are remained.
2. After my husband's death, I have been un-remarried.
3. I would ask for humanitarian help to grant allowance as before.

Signature :  
Ký tên

Date :  
Ngày

J. ALL DOCUMENTS ENCLOSED / Tất cả hồ sơ đính kèm :

1. Photocopy of marriage certificate.
2. Photocopy of Mai Biện, my husband's death certificate.
3. Wife of War Veteran's Certificate of Mrs Thị Thinh
4. Military Report of Chief of Company 4/345/ĐPQ.
5. Photocopy of my daughter's birth certificate
6. - my pre-75 Id. Card.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
THẺ CĂN-CƯỚC

Số 01257938



Họ Tên **THỊ THỊNH**

Ngày, nơi sinh **10-II-1950**

**Thanh-Hung (Kiôngiang)**

Cha **Danh Khoa**

Mẹ **Thị Thơ**

Địa chỉ **35/15 Thanh-Xuan, K-Binh  
K-G**

Dấu vết riêng:

Tàn nhang giữa gò má  
trái.

Chữ ký đương sự:

Kiên Giang ngày 2-6-1969

TRƯỞNG-TY CANH-SÁT QUỐC-GLA

*V. Quynh*

LƯU-NGHĨA-HIỆP

Cao: 1 th 50

Nặng: 40 Kg

Ngón trỏ mắt

Ngón trỏ mũi

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

QUẬN Kiến An

XÃ Số 1

Số hiệu: 202

# TRÍCH - LỤC

## CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Tên, họ người chồng Trần Văn Hùng

nghề nghiệp công nhân

sinh ngày 1 tháng 1 năm 1950

tại Thị trấn Hùng (Hưng Yên) Đến nay 10m

cư-sở tại Đoàn 105, P.1, H.1, H.1

tạm-trú tại Thị trấn Hùng (Hưng Yên)

Tên, họ cha chồng Trần Văn Hùng (cùng)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng Trần Văn Hùng (cùng)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ Trần Văn Hùng

sinh ngày 1 tháng 1 năm 1950

tại Thị trấn Hùng (Hưng Yên)

cư-sở tại Đoàn 105, P.1, H.1, H.1

tạm-trú tại Thị trấn Hùng (Hưng Yên)

Tên, họ cha vợ Trần Văn Hùng (cùng)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ Trần Văn Hùng (cùng)

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới 1/1/1950

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế 1/1

ngày 1/1 tháng 1/1 năm 1950

tại Thị trấn Hùng (Hưng Yên)

TRÍCH Y BỘ CHÁNH:

ngày 1/1 tháng 1/1 năm 19 50

Viên Chức Hộ Tịch.

Kiến An

Số 1

Pha

TRẦN QUANG-AM

CHÍNH-HỢP NHÂN-DÂN XÃ HUYỆN

TRẦN VĂN HÙNG XÃ HUYỆN SƠN

ngày 1/1 tháng 1/1 năm 1950

TRẦN VĂN HÙNG

Số hiệu: TCH

# KHAI SAN:

NHÀ IN KIẾN GIANG Ngch-014 - 9-69

Tên, họ đầu nhĩ:

AI-THI THICH

Phái:

HT

Sinh:

(Ngày, tháng, năm)

ngày mùng 10 tháng 01 năm 1954

Tại:

Xã Bồng Sơn (Kiến Giang)

Cha:

(Tên, họ)

Tuổi:

Đã mất

Nghề nghiệp:

Đã mất

Cư-trú tại:

Đội 01, Xã Bồng Sơn (Kiến Giang)

Mẹ:

(Tên, họ)

Tuổi:

Thị - Thỉnh

Đã mất

Nghề-nghiệp:

Đã mất

Cư-trú tại:

Xã Bồng Sơn (Kiến Giang)

Vợ:

Chết

Người khai:

(Tên, họ)

Tuổi:

Đã mất

Đã mất

Nghề-nghiệp:

Đã mất

Cư-trú tại:

Đội 01, Xã Bồng Sơn (Kiến Giang)

Người khai:

Đã mất

Người chứng thứ nhất:

(Tên, họ)

Tuổi:

Đã mất

Đã mất

Nghề-nghiệp:

Đã mất

Cư-trú tại:

Xã Bồng Sơn (Kiến Giang)

Người chứng thứ nhì:

(Tên, họ)

Tuổi:

Đã mất

Đã mất

Nghề-nghiệp:

Đã mất

Cư-trú tại:

Xã Bồng Sơn (Kiến Giang)

Làm tại: Đội 01 ngày 10 tháng 01 năm 1954

Người khai:

Người chứng:

Nhân chứng:

Đã mất (Lý)

Đã mất (Lý)

Đã mất (Lý)

Đã mất (Lý)

Đã mất (Lý)

Đã mất (Lý)

Đã mất (Lý)

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ  
HỌ TÊN: Đã mất (Lý)  
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ  
HỌ TÊN: Đã mất (Lý)  
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ  
HỌ TÊN: Đã mất (Lý)

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ  
HỌ TÊN: Đã mất (Lý)  
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ  
HỌ TÊN: Đã mất (Lý)  
CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ  
HỌ TÊN: Đã mất (Lý)

Người chết:

(Tên, họ)

MAI - DIỆP

Nghề-nghiệp:

Quân nhân

Cư-trú tại:

Xã Sốc Sơn (Kiông Giang)

Sanh ngày:

I

Tự

Kiông Giang

Chưa có chồng, vợ hay là góa chồng, vợ:

(Kê tên họ nếu có)

Thị - Thịnh

Người chồng hay vợ làm nghề gì:

Hội tự

Cha:

(Tên, họ)

Mai - Quang (Sống)

Mẹ

(Tên, họ)

Thị - Gốc (Sống)

Chết ngày:

Ngày hai tháng hai năm 1970

Chết tại:

Xã Sốc Sơn (Kiông Giang)

Ngày khai:

Ngày mười ba tháng hai năm 1970

Người khai:

(Tên, họ)

Lô phát vật

Người khai mấy tuổi:

Đến mười một

Nghề-nghiệp:

Quân nhân

Cư-trú tại:

Xã Sốc Sơn (Kiông Giang)

Người chứng thứ nhất:

(Tên, họ)

Lô phát vật

Mấy tuổi:

Đến mười một

Nghề-nghiệp:

Quân nhân

Cư-trú tại:

Xã Sốc Sơn (Kiông Giang)

Có phải là bà con hoặc ở gần người chết phải nói rõ:

Đồng đội

Người chứng thứ nhì:

(Tên, họ)

Võ Văn Lân

Mấy tuổi:

Đến mười một

Nghề-nghiệp:

Quân nhân

Cư-trú tại:

Xã Sốc Sơn (Kiông Giang)

Có phải là bà con hoặc ở gần phải nói rõ:

Đồng đội

Làm tại Xã Sốc Sơn

Ngày 15 tháng 2 năm 1970

Người khai,

Họ-tên,

Nhân-chứng,

Lô phát vật (ký)

Quách - Hân (ký)

Lân danh Kiêu (ký)

Võ Văn Lân (ký)

MAI - DIỆP

Sóc Sơn, ngày 15 tháng 2 năm 1970  
Ủy viên Ủy-tịch

T. II

HAY NHỎ - Chủ tịch không dùng tới phải kéo một nét.  
TRẦN QUANG ANH

# TỜ TRÌNH

VIỆT NAM CỘNG HÒA  
QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA  
VÙNG 4 CHIẾN THẮT  
KHOA CHIẾN THUẬT  
TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC  
ĐẠI ĐỘI 4/345/ĐPQ

Số: 626/ĐS.4/345/ĐPQ/ĐHQ

Kính gửi,

Trung-Tá Tiểu Chu Trưởng Tiểu Khu kiên giang

(chồng 5/CTOT)

KBO 4.667

TRÍCH-YẾU: v / v cổ binh nhì Mai-Biên tử trận được quy  
trạch công vụ.

Trân trọng kính trình Trung Tá,

Thi hành C.D số 0001/B.3, ngày 12-2-70 của  
Chi Khu Kiên-Gon, tiểu đội thuộc Đại-Đội 4/345/ĐPQ  
hoạt động tiên dân chưa có trung đội. Tiểu đơn vị  
tọa độ WS. 005200 vào lúc 18.2230H/2/70 sau 30 phút  
giác tranh, Kết quả: Địch không rõ, T + 444  
Địch thương và 01 khảm súng M.16 mang số 1591838  
Địch mất.

Vậy BCH Đại-Đội 4/345/ĐPQ chúng tôi xin  
thiết lập báo cáo tề tề này. Kính trình cầu Trung  
Tá chấp thuận cho trợ cấp hai ngàn đồng (2.000.000)  
tiền tương tế Xã hội để an táng cho cổ binh nhì  
MAI-BIÊN, số quân 45.448.450.

Trân trọng kính chào Trung Tá

Y \_\_\_\_\_

KBO 4667, ngày 13 tháng 2 năm 1.970

ĐẠI-UY TRẦN HƯNG

Đại-Đội Trưởng Đại-Đội 4/345/ĐPQ



Mai Zhi Zhiem  
Samb 1960

---

Chi Zhiem  
Samb 1950

---

From : Mrs THỊ THINH  
Ấp Thanh Ngọc B  
Xã Thanh Hưng,  
Huyện Giồng Riềng  
Tỉnh Kiên Giang VIỆT NAM

R A 2  
127 8 2



MÁY BAY  
PAR AVION

DEC 20 1989

TO : MRS KHUC MINH THƠ  
PO. BOX 5435 ARLINGTON  
VA. 22205-0635  
U. S. A.

41g = 19860